

KÝ ỨC CHẤN THƯƠNG TRONG TIỂU THUYẾT “PHÍA NAM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY MẶT TRỜI” CỦA HARUKI MURAKAMI

Đặng Lê Khôi, Dương Anh Duy
Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Dựa trên lý thuyết của Cathy Caruth và Catherine Malabou, nghiên cứu chỉ ra rằng hành trình truy tìm tình yêu và bản ngã của Hajime thực chất là một biểu hiện của sự va đập giữa hiện thực và ảo giác – nơi ký ức chấn thương không được ý thức trọn vẹn đã định hình nên đời sống cảm xúc và các lựa chọn của anh. Qua việc phân tích các tình tiết như sự mất mát của Izumi, mối quan hệ lạnh nhạt với Yukiko, cuộc gặp gỡ ám ảnh với Shimamoto, và những yếu tố xuyên thấu thực – ảo như chiếc phong bì hay gạt tàn thuốc. Tác phẩm không chỉ phản ánh một cá nhân bị ám ảnh bởi chấn thương quá khứ, mà còn phơi bày bi kịch hiện sinh của con người hiện đại trong hành trình tìm kiếm ý nghĩa đời sống qua những mảnh vụn ký ức không toàn vẹn.

Từ khóa: Chấn thương; lý thuyết chấn thương; Haruki Murakami; Phía nam biên giới phía tây mặt trời; ký ức tự sự; ký ức chấn thương.

TRAUMATIC MEMORIES IN THE NOVEL SOUTH OF THE BORDER WEST OF THE SUN – HARUKI MURAKAMI

Dang Le Khoi, Duong Anh Duy
Faculty of Literature, Ho Chi Minh City University of Education

Abstract: Based on the theories of Cathy Caruth and Catherine Malabou, the study suggests that Hajime's quest for love and identity is actually a manifestation of the collision between reality and illusion – where the traumatic memories that are not fully conscious shape his emotional life and choices. Through analyzing the details such as Izumi's loss, the cold relationship with Yukiko, the haunting encounter with Shimamoto, and the elements that cross reality and illusion such as the envelope or the ashtray. The work not only reflects an individual haunted by past trauma, but also exposes the existential tragedy of modern man in his journey to find meaning in life through fragments of incomplete memories.

Keywords: Trauma; trauma theory; Haruki Murakami; South of the Border; West of the Sun; narrative memory; traumatic memory.

Nhận bài: 18/05/2025

Phản biện: 11/06/2025

Duyệt đăng: 16/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắt đầu từ lý thuyết chấn thương của Cathy Caruth với công trình nghiên cứu “Trauma: Explorations in Memory”, ký ức đóng vai trò quan trọng thực hành nghiên cứu chấn thương. Có rất ít công trình nghiên cứu, hoặc tác phẩm văn học có thể dùng kí ức như một phương thức tự sự để nhân vật tự kể lại. Lý thuyết chấn thương của Cathy Caruth hoàn toàn có những tính chất phù hợp với giọng văn và lối tự sự huyền ảo, đầy tính mơ hồ của Haruki Murakami. Chính điều này là nguồn cảm hứng để thực hiện bài báo này. Bài báo không chỉ liệt kê những mảnh vụn, tính chất của kí ức chấn thương trong tiểu thuyết mà xem kí ức như một mã kí hiệu để tìm kiếm chấn thương của các nhân vật trong tiểu thuyết “*Phía nam biên giới, phía tây mặt trời*”.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Giới thuyết ký ức chấn thương theo Cathy Caruth

2.1.1. Quan niệm ký ức chấn thương

Khái niệm “kí ức” tuy quen thuộc trong đời sống thường nhật nhưng ở các lĩnh vực chuyên sâu như phân tâm học, nó trở nên phức tạp và bao

la. Theo Oxford, ký ức bao gồm: (1) khả năng ghi nhớ, (2) khoảng thời gian nhớ lại sự kiện, và (3) chính nội dung, những hình ảnh hoặc ý nghĩ từ quá khứ. Như vậy, ký ức là kho lưu trữ thông tin mà ta có thể truy cập lại thông qua hành vi nhớ lại.

Ở phân tâm học về chấn thương, Cathy Caruth xem ký ức như một phạm trù tâm lý đặc thù gắn với trải nghiệm áp đảo. Trong *Unclaimed Experience: Trauma, Narrative, History*, bà định nghĩa chấn thương là “trải nghiệm áp đảo từ các sự kiện đột ngột hoặc thảm khốc, với phản ứng thường đến muộn, không kiểm soát, kèm theo ảo giác tái hiện”. Trong trạng thái chấn thương, nạn nhân không ý thức ngay lập tức mình đang bị tổn thương, mà chỉ gặp lại nó sau này qua hồi tưởng, ác mộng hay những giây phút vô thức.

Caruth lập luận rằng ký ức chấn thương không đơn thuần là “dữ liệu” đã lưu giữ, mà là những mảnh ký ức bị trì hoãn, thậm chí từ chối tiếp cận. Như bà viết trong *Trauma: Explorations in Memory*, hành động từ chối không phải phủ nhận sự kiện mà là “cơ chế để tiếp cận một loại kiến thức chưa thành ký ức kể lại”, mở ra không gian

cho lời chứng vượt ngoài hiểu biết thông thường.

Theo quan điểm này, ký ức chấn thương chỉ xuất hiện khi cá nhân rơi vào trạng thái vô thức (mơ, say...) để những ký ức “bị giấu” bật lên. Nó vừa hé lộ sự thật trần trụi nhất, vừa chống lại việc chúng ta tiếp cận nó một cách có ý thức. Chính sự kháng cự này khiến ký ức chấn thương trở thành quá trình kiến tạo linh động, không tĩnh tại, luôn được tái hiện qua các vận động tâm lý.

Tóm lại, ký ức trong bối cảnh chấn thương không còn là kho lưu trữ cố định, mà là một thực thể năng động, chòng chèo giữa hiện tại và quá khứ, giữa ý thức và vô thức. Việc hiểu và tiếp cận ký ức chấn thương đòi hỏi chúng ta phải chấp nhận tính tri hoãn, sự từ chối của bản thân, đồng thời mở rộng nhận thức để đón nhận những lời chứng tiềm ẩn vượt ngoài cấu trúc ký ức thông thường.

2.1.2. Ký ức chấn thương và tự sự

Từ những lý thuyết của Cathy Caruth về ký ức chấn thương, việc mở rộng hướng nghiên cứu liên ngành với văn học trở nên cấp thiết. Một hướng tiếp cận đáng chú ý là khái niệm “Văn học thần kinh” (Neuro-literature) do Catherine Malabou đề xuất, dựa trên nền tảng lý thuyết “Cái bên ngoài” (Outside) của Michel Foucault. Malabou cho rằng văn học ngày nay không còn giữ vai trò tạo ra “Cái bên ngoài” như trước, mà chính sinh học thần kinh – diễn ngôn khoa học – mới mở ra không gian trung lập để văn học vận động và định nghĩa lại bản thân.

Malabou phê phán văn học hiện đại đã dừng lại ở việc nhấn mạnh sự vắng mặt của chủ thể thay vì chất vấn rằng liệu chủ thể đã từng thật sự tồn tại hay chưa. Theo bà, khi chủ thể cố gắng quay về với bản thể mình thì nó bị cuốn vào vòng lặp ngôn ngữ – nơi cái tôi bị xóa mờ. Trong mối liên hệ này, ký ức chấn thương theo Caruth có thể được soi chiếu bằng cách tiếp cận “thần kinh” của Malabou. Các tự sự chấn thương, nhất là khi nhân vật kể lại quá khứ của chính họ, thường bị chi phối bởi tính tổn thương và biến đổi của cái tôi. Do đó, điều quan trọng không nằm ở tính xác thực của ký ức, mà ở cơ chế thần kinh đằng sau lời kể – nơi phản ánh cách chủ thể xử lý tổn thương.

Quan điểm này cũng được Paola Trimarco đồng tình, rằng nghiên cứu ký ức chấn thương không nên lệ thuộc hoàn toàn vào ký ức đau thương như động lực chính, mà cần tập trung vào các cơ chế biểu đạt ký ức ấy. Từ đặc tính dẻo của não bộ đến sự phân ly nhân cách hậu chấn thương, những biểu hiện của ký ức bị khước từ hay đẩy xa có thể

hiện diện dưới dạng các ký hiệu ngấm trong tự sự.

Tóm lại, nghiên cứu ký ức chấn thương cần đi sâu vào khoảng cách giữa chủ thể với chính mình và với ký ức của mình, không chỉ qua nội dung lời kể mà qua cơ chế vận hành của lời kể đó – điều cấu thành chiều sâu thực sự của tự sự chấn thương.

2.2. Biểu hiện của ký ức chấn thương trong *Phía Nam biên giới phía Tây mặt trời*

2.2.1. Âm ảnh dục vọng và cảm thức cô độc sâu trong ký ức chấn thương

Ký ức chấn thương không chỉ đến từ những biến cố rõ ràng, mà còn có thể xuất phát từ cảm giác mất mát, cô đơn hay sự thiếu hụt về tình yêu, tính dục, gia đình, bạn bè. Trong *Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời*, Haruki Murakami thể hiện sâu sắc điều này thông qua nhân vật Hajime. Từ thuở nhỏ, Hajime đã mang trong mình sự cô lập hiện sinh bởi thân phận “con một”, một tầng chấn thương nền tảng âm thầm định hình cảm thức sống và quan hệ của anh. Mối gắn kết với Shimamoto – người bạn thời thơ ấu cũng là “con một” – là biểu hiện đầu tiên cho sự đồng điệu của hai tâm hồn tổn thương, nơi nỗi cô đơn trở thành điểm kết nối.

Ký ức chấn thương của Hajime không hiện rõ qua những sự kiện cụ thể, mà lẫn khuất trong tâm lý và quan hệ cá nhân. Dù yêu Izumi, Hajime vẫn bị kéo về hình bóng Shimamoto, người mà anh đồng nhất với ký ức nguyên mẫu không thể thay thế. Sự bất toàn trong cảm xúc hiện tại là hậu quả của nỗi ám ảnh chấn thương thời thơ ấu chưa từng được chữa lành. Anh yêu quý sự độc lập, nhưng cũng sợ sự hiện diện của người khác xâm nhập vào “thế giới riêng” – nơi ký ức và cô độc ngự trị.

Hajime tìm kiếm cảm giác kết nối bị mất bằng những hành vi thể xác mang tính ám ảnh, như khi quan hệ với chị họ của Izumi, nơi anh lặp lại câu hỏi về trải nghiệm “con một”. Dục vọng của Hajime không chỉ là bản năng sinh lý, mà là một cơn đói khát vô thức đối với phần ký ức bị đánh mất. Như Malabou khẳng định, ký ức chấn thương không biến mất, mà tồn tại trong vô thức, bóp méo bản thể người chịu tổn thương.

Cuối cùng, những năm tháng từ đại học đến tuổi ba mươi của Hajime không chỉ là khoảng thời gian thiếu tình yêu, mà là vùng tối bị bao phủ bởi bóng chấn thương chưa được hóa giải. Thứ anh thiếu không đơn thuần là bạn đời, mà là khả năng kết nối với thế giới bên ngoài – khi bên trong là sa mạc ký ức chưa từng được xoa dịu. Qua đó,

Murakami cho thấy chấn thương là một dòng chảy âm thầm, chi phối cả dự vọng, cảm xúc và sự hình thành bản thể con người.

2.2.2. Sự “phong kín” của ký ức chấn thương đến sự phân ly của chủ thể

Trong *Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời*, Haruki Murakami xây dựng nhân vật Shimamoto – san như hiện thân của một ký ức chấn thương bị phong kín, vừa không thể lý giải, vừa luôn tồn tại âm ỉ trong tiềm thức của nhân vật chính – Hajime. Sự xuất hiện – biến mất đầy bí ẩn của cô là biểu tượng rõ nét cho cơ chế ký ức chấn thương mà Cathy Caruth (1996) khái quát: ký ức không đơn thuần là tái hiện một sự kiện đã qua, mà là sự trở lại đầy ám ảnh của một ký ức không thể hồi phục hay diễn ngôn.

Ngay từ thời thơ ấu, Shimamoto đã khắc sâu trong tâm trí Hajime như một biểu tượng đầu tiên của kết nối – nhưng cũng là rạn vỡ. Khi cô đột ngột biến mất, Hajime mang trong mình một khoảng trống khó gọi tên. Nhiều năm sau, khi Shimamoto bất ngờ xuất hiện trở lại, cô đã đánh thức hàng loạt cảm xúc và ký ức bị phong kín. Các sự kiện như cuộc gặp gỡ bí ẩn với người đàn ông lạ cùng chiếc phong bì trắng chứa tiền làm nổi bật bản chất vừa thực vừa ảo của ký ức này. Dù có bằng chứng vật chất, Hajime vẫn không thể xác quyết đó là hiện thực hay ảo tưởng, một dấu hiệu rõ rệt của rối loạn phân ly tâm lý.

Shimamoto tiếp tục khước từ mọi đối thoại về quá khứ – từ chiếc phong bì đến bệnh tình hay nguồn gốc của cô – như một hành vi kháng cự việc gọi tên ký ức chấn thương. Sự từ chối ấy, theo Catherine Malabou (2012), là một cơ chế phòng vệ đặc trưng của chủ thể mang chấn thương. Shimamoto – san vì thế trở thành “ký ức biết đi” – vừa lôi kéo Hajime trở về quá khứ, vừa khiến anh trôi dạt giữa ranh giới thực tại và hồi tưởng.

Murakami sử dụng kỹ thuật nhảy thời gian và những khoảng trống tự sự để thể hiện sự phân ly trong nhận thức. Sự biến mất rồi xuất hiện bất ngờ của Shimamoto diễn ra song hành với những khủng hoảng tâm lý của Hajime, biến cô thành dấu hiệu tâm lý hơn là nhân vật tuyến tính. Đỉnh điểm là khi Hajime không còn phân biệt được Shimamoto là người thật hay chỉ là bóng hình ký ức – một khoảnh khắc cho thấy ký ức đã hòa lẫn vào hiện thực đến mức bóp méo cả nhận thức bản ngã.

Kết thúc truyện, Hajime không còn truy vấn về cô nữa, thay vào đó chấp nhận cuộn băng nhạc thời thơ ấu như một cách “đóng gói” ký ức chấn

thương – đưa nó về trạng thái có thể lưu trữ và đồng tồn tại. Trong diễn ngôn của Malabou, đây là biểu hiện của việc tái hình thành thân kinh sau chấn thương: ký ức không còn là nguồn đau đớn phá hủy chủ thể, mà trở thành một phần cấu trúc của nó. Shimamoto – san, qua sự lặng im, lấp lửng và bí ẩn, chính là điểm tựa của một ký ức không thể gọi tên, nhưng vẫn sống động, và là động lực âm thầm kiến tạo lại bản ngã của Hajime.

2.2.3. Sự khước từ nhận thức bởi ký ức chấn thương

Trong *Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời*, Haruki Murakami kiến tạo Hajime như một chủ thể bị chi phối bởi cơ chế khước từ nhận thức (denial) – phương thức phòng vệ tâm lý giúp anh sống sót trước mặc cảm tội lỗi, nỗi cô độc bản sinh và sự rạn vỡ giữa ký ức và thực tại.

Ngay từ thời trung học, Hajime đã phạm lỗi phản bội Izumi khi nhiều lần quan hệ với chị họ của cô, song anh liên tục ngụy biện rằng đó chỉ là “hấp dẫn bản năng”, tự xóa bỏ trách nhiệm đạo đức. Sau khi kết hôn với Yukiko, anh tiếp diễn sự dối trá, âm thầm tìm kiếm Shimamoto-san – người bạn thuở thiếu thời đã biến mất bí ẩn – và thần thoại hóa hình ảnh cô như một tình yêu lý tưởng vượt ngoài đời thực. Mỗi lần ân ái cùng vợ, ký ức về Izumi và Shimamoto ùa lên, chứng tỏ tội lỗi bị đẩy xuống vô thức nhưng vẫn khuấy đảo hiện tại, khiến dự vọng và ký ức hòa vào nhau làm thực tại nhòe nát.

Khi Shimamoto xuất hiện rồi biến mất không dấu vết, Hajime bắt đầu nghi ngờ hiện thực: phải chăng tất cả chỉ là ảo giác? Tuy nhiên, anh lập tức bám víu những dấu vết vật chất (ly rượu, gạt tàn, phong bì tiền) để xác nhận “thực tính” của sự kiện, qua đó bộc lộ một tri thức mâu thuẫn: thực tại bị anh tái cấu trúc theo ham muốn giữ lấy quá khứ. Giai đoạn hai người gặp lại ở Hakone, bản nhạc “*Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời*” gợi chuyện người nông dân Siberia bất giác bỏ cuộc bước về phía tây và chết vì mộng du, hàm ý trong Hajime cũng có một phần “chết lụi” – cái chết tinh thần của kẻ sống trong đơn điệu nhưng khát khao điều không thể gọi tên.

Khi cuộc ái ân duy nhất diễn ra, nụ cười của Shimamoto hiện thành “khuôn mặt của cái chết”; cô biến mất vĩnh viễn, kéo theo chiếc phong bì – biểu tượng cho mối liên kết hữu hình duy nhất. Từ đây, Hajime trượt sâu hơn: anh nghi mình bịa ra phong bì, nhưng vẫn chủ ý tin nó có thật, để ký ức trở thành thực tại duy nhất mà anh dựa vào. Tội lỗi được biện minh, ký ức thần thoại hóa, thực tại

tái cấu trúc theo vết nứt chấn thương chưa hàn gắn.

Về mặt phân tâm học (Cathy Caruth), Shimamoto chính là “khu vực chấn thương” – hiện thân ký ức thơ ấu nguyên sơ lẫn khát vọng được yêu thương tuyệt đối. Không nhân vật nào ngoài Hajime xác nhận sự tồn tại của cô; sự xuất hiện – biến mất bất định cho thấy Shimamoto có thể là sản phẩm tưởng tượng, cấu thành bởi khao khát, tội lỗi và trống rỗng nội tại. Dẫu thật hay ảo, cô là nút thắt ám ảnh buộc Hajime đối diện phần bản ngã đã đánh mất.

Như vậy, tiểu thuyết không chỉ kể hành trình tìm lại tình yêu đầu, mà phơi bày quá trình sa lầy trong ảo ảnh ký ức: ký ức không còn là hồi tưởng thụ động mà trở thành cơ chế kiến tạo thực tại; và khi thực tại ấy vỡ vụn, chỉ còn lại lời hứa không thành và nụ cười mang bóng chết. Bằng cách khai thác ranh giới mong manh thực/ảo, Murakami cho thấy quá khứ, ham muốn và chấn thương có thể đan cài thành một thực tại cảm xúc vượt ngoài logic lý trí, nơi khước từ nhận thức vừa là tấm khiên sinh tồn vừa là con dao tự hủy.

III. KẾT LUẬN

Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời không đơn thuần kể chuyện tái hợp mối tình đầu, mà kiến tạo một diễn ngôn về chấn thương ký ức, nơi thực-ảo hòa lẫn. Murakami dựng Hajime như bản

ngã bị xé rách bởi những tầng ký ức chưa bao giờ được nhận thức trọn vẹn; vì thể hiện tại của anh luôn bị ký ức tàn dư luân hồi chi phối, bùng dậy ở khoảnh khắc mong manh nhất.

Dưới lăng kính Cathy Caruth và Catherine Malabou, Shimamoto-san vượt khỏi vai trò “người tình bí ẩn” để trở thành hiện thân của vết nứt nguyên sơ trong tâm thức Hajime—“vết thương không lời” từ tuổi thơ. Việc cô có tồn tại khách quan hay không mất ý nghĩa; điều quan trọng là tần suất tái diễn của hồi ức đứt gãy, vốn phản ánh bản chất chấn thương: ký ức không thể kể trọn nhưng vẫn buộc được nghe lại.

Hajime không chỉ là kẻ phản bội tìm bóng hình xưa; anh là chủ thể vận hành bởi cơ chế sinh tồn của chấn thương: khước từ hiện thực, kiến tạo ảo tưởng để tái sắp xếp quá khứ ít đau đớn nhất. Song ảo tưởng đó rốt cuộc triệt tiêu đời sống hiện hữu, đẩy anh vào vòng lặp bất tận.

Murakami không cung cấp hồi kết dứt khoát; ông để Hajime đứng trên ranh giới giữa nhớ – quên, hiện – không, trần trụi trước dòng chảy ký ức bất định. Ở điểm giao ấy, tiểu thuyết trở thành không gian chấn thương: ký ức không còn là quá khứ đã qua mà là ám ảnh kéo dài, không thể nói hết, cũng không thể nín lặng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cathy Caruth (1995). *Trauma: Explorations in memory*. The Johns Hopkins University Press.
- Cathy Caruth (1996). *Unclaimed experience: Trauma, Narrative, and History*.
- Catherine Malabou. (2016). *What Is Neuro-literature? SubStance*, 45(2), 78–87. Retrieved March 17, 2025, from: <http://www.jstor.org/stable/24897969>
- Paola Trimaco. (2024). *The Extremities of Literature: Traumatic Memory in Two Novels by Kazuo Ishiguro*. *Text Matters: A Journal of Literature, Theory and Culture*, 13, 195–209. Retrieved March 17, 2025, from: <https://doi.org/10.18778/2083-2931.13.11>
- Haruki Murakami. (2024). *Phía Nam biên giới phía Tây mặt trời*. Nxb: Hội Nhà Văn.